

Tên bệnh nhân: \_\_\_\_\_

Ngày khảo sát: \_\_\_\_\_

Thời gian từ: \_\_\_\_\_ đến: \_\_\_\_\_

Tên người khảo sát: \_\_\_\_\_

Michel Paradis  
McGill University

# BILINGUAL APHASIA TEST

(VIETNAMESE VERSION)

KHẢO SÁT BỆNH CẢM KHẨU CHO NGƯỜI SONG NGỮ

Bản khảo sát bệnh cảm khẩu cho người song ngữ do Dung Trương dịch ra Việt ngữ.



The development of the Bilingual Aphasia Test materials was supported by Grant MEQ 01-07-k (1976-1983) from the Quebec Ministry of Intergovernmental Affairs, Grant EQ 1660 (1980-1985) from the Quebec Ministry of Education FCAC Fund, and GRANTS 410-83-1028 (1984-1985) and 410-88-0821 (1989-1991) from the Social Sciences and Humanities Research Council of Canada.



# KHẢO SÁT BỆNH CẢM KHẨU CHO NHỮNG NGƯỜI THÔNG THẠO HAI HOẶC NHIỀU SINH NGỮ

Bản Việt ngữ

## PHẦN A

Phần chung cho tất cả các sinh ngữ

### Nguyên do và tiến triển của sự thông thạo hai sinh ngữ.

Bệnh nhân sẽ nghe giám khảo đọc những câu hỏi sau đây. Trong trường hợp có những câu bệnh nhân không đủ khả năng trả lời, giám khảo có thể nhờ một người trong gia đình hoặc người thân cận trả lời thế. Những câu hỏi nào bệnh nhân phải trả lời *có* hay *không*, xin giám khảo đánh vòng dấu «+» khi bệnh nhân nói *có*, và dấu «-» khi bệnh nhân nói *không*. Nếu có những câu bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «O» trong phần dành riêng cho câu trả lời. Tất cả những lời chỉ dẫn dành cho giám khảo đều được ghi tiếp theo dấu hiệu \*\*\*. Giám khảo không cần đọc những lời chỉ dẫn đó cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

1. Xin cho tôi biết ngày sinh của bạn. \_\_\_\_\_ (1)
2. Bạn sinh tại đâu ? \_\_\_\_\_ (2)
3. Lúc còn nhỏ, bạn nói tiếng gì ở nhà ? \_\_\_\_\_ (3)
4. Lúc nhỏ, bạn còn nói những thứ tiếng nào khác ở nhà không ? + - 0 (4)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 6.

5. Lúc nhỏ, bạn dùng những thứ tiếng nào khác để nói chuyện ở nhà ? \_\_\_\_\_ (5)
6. Tiếng mẹ đẻ của cha bạn là gì ? \_\_\_\_\_ (6)
7. Ông có nói những thứ tiếng nào khác không ? + - 0 (7)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 12.

8. Những tiếng khác đó là gì ? \_\_\_\_\_ (8)
9. Ở nhà, cha bạn nói tiếng gì nhiều nhất với bạn ? \_\_\_\_\_ (9)
10. Ở nhà, cha bạn có nói những tiếng khác không ? + - 0 (10)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 12.

11. Những tiếng khác đó là gì ? \_\_\_\_\_ (11)
12. Tiếng mẹ đẻ của mẹ bạn là gì ? \_\_\_\_\_ (12)
13. Bà có nói những thứ tiếng nào khác không ? + - 0 (13)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 18.

14. Những tiếng khác đó là gì ? \_\_\_\_\_ (14)
15. Mẹ bạn nói tiếng gì nhiều nhất với bạn ở nhà ? \_\_\_\_\_ (15)
16. Ở nhà, mẹ bạn có nói những tiếng khác không ? + - 0 (16)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 18.

17. Những tiếng khác đó là gì ? \_\_\_\_\_ (17)

18. Lúc còn nhỏ, ngoài cha mẹ, có người nào khác chăm sóc bạn không? + - 0 (18)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 25.

19. Tiếng mẹ đẻ của người đó là gì ? \_\_\_\_\_ (19)

20. Người đó có nói những thứ tiếng nào khác không ? + - 0 (20)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 25.

21. Những tiếng khác đó là gì ? \_\_\_\_\_ (21)

22. Người đó nói tiếng gì nhiều nhất với bạn ở nhà ? \_\_\_\_\_ (22)

23. Ở nhà, người đó có nói những tiếng khác không ? + - 0 (23)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 25.

24. Những tiếng khác đó là gì ? \_\_\_\_\_ (24)

25. Lúc còn nhỏ, bạn dùng tiếng gì thường nhất để nói với bạn bè ? \_\_\_\_\_ (25)

26. Bạn đi học được bao nhiêu năm tất cả ? \_\_\_\_\_ (26)

27. Lúc mới đi học, bạn học tiếng gì ở trường ? \_\_\_\_\_ (27)

28. Tất cả các môn học có được dạy bằng tiếng đó không ? + - 0 (28)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 30.

29. Bạn còn học những tiếng nào khác ở trường ? \_\_\_\_\_ (29)

30. Phần đông, học sinh ở trường đó nói tiếng gì ? \_\_\_\_\_ (30)

31. Sau đó, bạn có học tại trường nào khác, bằng một tiếng nào khác không ? + - 0 (31)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 32.

32. Tiếng đó là gì ? \_\_\_\_\_ (32)

33. Sau bao nhiêu năm học bạn mới bắt đầu chuyển qua sinh ngữ này ? \_\_\_\_\_ (33)

34. Tại trường này, có những môn học nào được dạy bằng sinh ngữ khác không ? + - 0 (34)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 36.

35. Những sinh ngữ khác bạn học ở trường này là gì ? \_\_\_\_\_ (35)

36. Phần đông, học sinh hay sinh viên trường này nói tiếng gì ? \_\_\_\_\_ (36)

37. Sau đó, bạn có đi học tại một trường nào khác, bằng một sinh ngữ khác không ? + - 0 (37)

\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 49.

38. Sinh ngữ đó là gì? \_\_\_\_\_ (38)

39. Sau bao nhiêu năm bạn mới bắt đầu chuyên qua học sinh ngữ này ? \_\_\_\_\_ (39)

40. Tại trường này, tất cả các môn học có được dạy bằng sinh ngữ đó không ? + - 0 (40)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 49.

41. Những sinh ngữ khác được dạy tại trường này là gì ? \_\_\_\_\_ (41)

42. Phần đông, học sinh hay sinh viên tại trường này nói tiếng gì ? \_\_\_\_\_ (42)

43. Bạn có đi học tại một trường nào khác, bằng một sinh ngữ nào khác nữa không ? + - 0 (43)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 49.

44. Sinh ngữ đó là gì? \_\_\_\_\_ (44)

45. Sau bao nhiêu năm bạn mới bắt đầu học sinh ngữ này ? \_\_\_\_\_ (45)

46. Tại trường này, có những môn học nào được dạy bằng sinh ngữ khác không ? + - 0 (46)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số 49.

47. Những sinh ngữ khác được dạy tại trường này là gì ? \_\_\_\_\_ (47)

48. Phần đông, học sinh hay sinh viên tại trường này nói tiếng gì ? \_\_\_\_\_ (48)

49. Sau khi học xong, bạn đi làm việc gì ? \_\_\_\_\_ (49)

50. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn nói được những sinh ngữ nào ? \_\_\_\_\_ (50)

## PHẦN B

### MÔI TRƯỜNG THỰC TẬP VÀ XỬ DỤNG TIẾNG VIỆT

Giám khảo đọc tất cả các lời chỉ dẫn như được ghi dưới đây cho bệnh nhân nghe.

Xin đánh vòng những câu trả lời đúng, hoặc ghi kết quả của những câu hỏi trong phần dành riêng.

Trong suốt thời gian khảo sát, những lời chỉ dẫn dành cho giám khảo được ghi sau dấu \*\*\*. Giám khảo không cần đọc những lời chỉ dẫn này cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Xin giám khảo cho bệnh nhân biết họ phải trả lời những câu hỏi sau đây.

*Tôi sẽ đặt vài câu hỏi về khả năng hiểu biết tiếng Việt của bạn và xin bạn trả lời. Bạn sẵn sàng chưa ?*

1. Bạn có từng sống tại một nơi nào khác có dùng tiếng Việt chưa ? + - (1)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua câu hỏi số (4)

2. Tại đâu (nước nào) ? \_\_\_\_\_ (2)

3. Bạn sống tại đó được bao lâu ? \_\_\_\_\_ (3)

4. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn nói tiếng Việt:

1) Không rành 2) Rành 3) Thật rành 0 1 2 3 (4)

5. Bạn được bao nhiêu tuổi khi bạn tập nói tiếng Việt lần đầu ? \_\_\_\_\_ (5)

6. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn có nói tiếng Việt ở nhà không ? + - (6)

7. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn có nói tiếng Việt ở sở làm không ? + - (7)

8. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn có nói tiếng Việt với bạn bè không ? + - (8)

9. Trong cuộc sống hằng ngày, trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn nói tiếng Việt :

1) Mỗi ngày 2) Mỗi tuần 3) Mỗi tháng 4) Mỗi năm 5) Không tới một lần trong vòng một năm  
0 1 2 3 4 5 (9)

10. Bạn có tập đọc tiếng Việt không ? + - (10)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua phần vấn đáp tự nhiên.

11. Bạn được bao nhiêu tuổi khi bạn bắt đầu tập đọc tiếng Việt ? \_\_\_\_\_ (11)

12. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn đọc tiếng Việt:

1) Không rành 2) Rành 3) Thật rành 0 1 2 3 (12)

13. Trong cuộc sống hằng ngày, trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn đọc tiếng Việt :

1) Mỗi ngày 2) Mỗi tuần 3) Mỗi tháng 4) Mỗi năm 5) Không tới một lần trong vòng một năm  
0 1 2 3 4 5 (13)

14. Bạn có bao giờ tập viết tiếng Việt không ? + - (14)

\*\*\* Nếu bệnh nhân trả lời *không*, xin bắt qua phần vấn đáp tự nhiên.

15. Bạn bắt đầu viết tiếng Việt năm mấy tuổi ? \_\_\_\_\_ (15)

16. Trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn đọc tiếng Việt:

1) Không rành 2) Rành 3) Thật rành 0 1 2 3 (16)



17. Trong cuộc sống hằng ngày, trước khi bệnh hoặc tai nạn, bạn đọc tiếng Việt :

1) Mỗi ngày 2) Mỗi tuần 3) Mỗi tháng 4) Mỗi năm 5) Không tới một lần trong vòng một năm

0 1 2 3 4 5 (17)

### VẤN ĐÁP TỰ NHIÊN

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, giám khảo thu lời nói của bệnh nhân trong vòng năm phút. Mục đích là để hiểu biết thêm về bệnh nhân và cho giám khảo và bệnh nhân tiếp tục cuộc khảo sát trong bầu không khí dễ chịu. Giám khảo nên đặt vài câu hỏi để giúp bệnh nhân nói, ví dụ như hỏi về:

- a) bệnh tình hay tai nạn của bệnh nhân,
- b) việc làm,
- c) những kinh nghiệm ở nước ngoài,
- d) gia đình, vân vân ...

\*\*\* Khi bệnh nhân nói xong, xin ngưng máy thu và đánh vòng con số tương đương trong năm câu trả lời sau đây (18 – 22).

18. Số lượng

1) Không nói gì hết 2) Nói rất ít 3) Nói ít hơn bình thường 4) Nói như bình thường \_\_\_\_\_ (18)

19. Cách nói

1) Rất kém 2) Không khá lắm 3) Khá 4) Bình thường \_\_\_\_\_ (19)

20. Cách đọc

1) Rất kém 2) Không khá lắm 3) Khá 4) Bình thường \_\_\_\_\_ (20)

21. Văn phạm

1) Rất kém 2) Không khá lắm 3) Khá 4) Bình thường \_\_\_\_\_ (21)

22. Cách dùng danh từ

1) Rất kém 2) Không khá lắm 3) Khá 4) Bình thường \_\_\_\_\_ (22)

### KHẢO SÁT KHẢ NĂNG HIỂU NHỮNG KHẨU LỆNH

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải chứng tỏ mình hiểu những gì giám khảo bảo làm. Giám khảo đọc chỉ thị một cách chậm rãi, rõ ràng và bằng giọng nói bình thường. Nếu sau NĂM GIẤY, bệnh nhân không trả lời, giám khảo đánh vòng dấu «0» và bắt qua câu hỏi kế tiếp. Trong những phần khảo sát mà bệnh nhân phải sờ một món đồ (vật dụng) hay một hình vẽ, xin đánh vòng con số tương đương với món đầu tiên mà bệnh nhân sờ.

Các câu trả lời được ghi lại bằng cách đánh vòng những dấu hiệu sau đây: «+» nếu bệnh nhân trả lời *đúng*, «-» nếu bệnh nhân trả lời *sai*, và «0» nếu bệnh nhân *không hiểu chỉ thị*. Ví dụ nếu giám khảo nói bệnh nhân sờ một cuốn sách trên bàn mà bệnh nhân sờ một món khác, thì xin đánh vòng dấu «-». Ngược lại, nếu bệnh nhân không sờ một món nào hoặc le lưỡi, xin đánh vòng dấu «0».

### CHỈ ĐỊNH

\*\*\* Những vật dụng sau đây được đặt trên bàn, trước mặt và vừa tầm tay để bệnh nhân có thể sờ từng món một. Các vật này được xếp theo thứ tự, từ trái sang phải: một hạt nút, một chiếc gang tay, một cây kéo, một phong bì, một chiếc nhẫn, một cái bàn chải, một cái ly, một hộp diêm quẹt, một cái chia khóa, một cái đồng hồ.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ xin bạn làm những việc sau đây. Bạn sẵn sàng chưa ?*

23. Xin bạn sờ chiếc nhẫn.

+ - 0 (23)

24. Xin bạn sờ hột nút.	+ - 0 (24)
25. Xin bạn sờ hộp diêm quẹt.	+ - 0 (25)
26. Xin bạn sờ chiếc găng tay.	+ - 0 (26)
27. Xin bạn sờ cái chìa khóa.	+ - 0 (27)
28. Xin bạn sờ cây kéo.	+ - 0 (28)
29. Xin bạn sờ cái đồng hồ.	+ - 0 (29)
30. Xin bạn sờ cái phong bì.	+ - 0 (30)
31. Xin bạn sờ cái ly.	+ - 0 (31)
32. Xin bạn sờ cái bàn chải.	+ - 0 (33)

### NHỮNG LỆNH ĐƠN VÀ LỆNH PHỨC TẠP.

\*\*\* Xin giám khảo đọc những câu sau đây và ghi câu trả lời của bệnh nhân. Điều kiện để ghi «+», «-» hay «0» tương tự như phần trên. Các vật dụng trên bàn gồm có : một chiếc nhẫn, một hộp diêm quẹt, một cây bút chì, một cái nĩa.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ xin bạn làm những việc sau đây. Bạn sẵn sàng chưa.*

33. Xin bạn nhắm mắt.	+ - 0 (33)
34. Xin bạn mở miệng.	+ - 0 (34)
35. Xin bạn đưa tay lên.	+ - 0 (35)
36. Xin bạn le lưỡi.	+ - 0 (36)
37. Xin bạn vỗ tay.	+ - 0 (37)
38. Xin bạn để chiếc nhẫn trên hộp diêm.	+ - 0 (38)
39. Xin bạn để cái ly bên cạnh cây bút chì.	+ - 0 (39)
40. Xin bạn để hộp diêm bên cạnh cái nĩa.	+ - 0 (40)
41. Xin bạn để cây bút chì trên chiếc nhẫn.	+ - 0 (41)
42. Xin bạn để cái nĩa trên cái ly.	+ - 0 (42)

\*\*\* Những câu hỏi từ số 43 đến số 47 là lệnh phức tạp. Xin giám khảo đọc nguyên khẩu lệnh cho bệnh nhân nghe (mỗi khẩu lệnh gồm có ba phần). Để thi hành mỗi khẩu lệnh, bệnh nhân phải xử dụng ba món đồ. Ba món đồ được xếp trên bàn trước mặt bệnh nhân. Vật liệu gồm có: ba tờ giấy (lớn, vừa, nhỏ), ba cây viết (dài, vừa, ngắn), một cái ly và ba cuốn sách.

Nếu câu trả lời hoàn toàn đúng (tất cả các lệnh được tuân hành như giám khảo đặt ra), xin đánh vòng dấu «+». Nếu câu trả lời không hoàn toàn đúng, xin ghi số lệnh được thi hành đúng theo câu hỏi, không cần chú ý đến thứ tự.

Nếu bệnh nhân thi hành ba lệnh nhưng không theo thứ tự, xin ghi số 3 và nếu bệnh nhân thi hành hai lệnh không đúng thứ tự, xin giám khảo ghi số 2.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ xin bạn làm những việc sau đây. Bạn sẵn sàng chưa.*

43. Đây là ba tờ giấy. Xin bạn đưa cho tôi tờ giấy nhỏ, để tờ giấy vừa trên đầu và vứt đi tờ giấy lớn.	+ 3 2 1 0 (43)
---	----------------

44. Đây là ba cây bút chì. + 3 2 1 0 (44)  
Xin bạn bỏ cây bút màu vàng xuống đất, đưa tôi cây màu xanh và cầm cây màu đỏ.
45. Đây là ba đồng tiền. + 3 2 1 0 (45)  
Xin bạn đẩy đồng tiền lớn về phía tôi, lật lại đồng tiền vừa và để đồng tiền nhỏ trên tay bạn.
46. Đây là ba khúc cây. + 3 2 1 0 (46)  
Xin bạn để khúc cây nhỏ trong ly, đưa cho tôi khúc cây vừa và lấy khúc cây lớn đánh trên bàn.
47. Đây là ba cuốn sách. + 3 2 1 0 (47)  
Xin bạn mở cuốn sách đầu tiên ra, lật lại cuốn thứ nhì và cầm lấy cuốn thứ ba.

### PHÂN BIỆT ÂM THANH QUA LỜI NÓI

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải chỉ hình vẽ nào tượng trưng cho chữ giám khảo vừa đọc. Trên mỗi bức hình có một con số trên góc phải. Xin giám khảo đánh vòng con số tương hợp với hình vẽ (1 – 4 hay X) do bệnh nhân chọn. Nếu bệnh nhân không chỉ bức hình nào, ngay cả chữ X, xin giám khảo đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Bạn sẽ nghe tôi đọc một chữ. Xin bạn chỉ cho tôi biết bức hình nào tượng trưng cho chữ đó. Nếu không có hình nào đi với chữ đó, xin bạn chỉ chữ X. Ví dụ nếu tôi nói «xe», xin bạn chỉ cho tôi hình chiếc xe. Bạn sẵn sàng chưa ?*

48. SUỐI X 1 2 3 4 0 (48)
49. VỎ X 1 2 3 4 0 (49)
50. VỊT X 1 2 3 4 0 (50)
51. GAI X 1 2 3 4 0 (51)
52. REN X 1 2 3 4 0 (52)
53. DƯA X 1 2 3 4 0 (53)
54. ĐUỐC X 1 2 3 4 0 (54)
55. GẬY X 1 2 3 4 0 (55)
56. THÔNG X 1 2 3 4 0 (56)
57. CHÉN X 1 2 3 4 0 (57)
58. CÁNH X 1 2 3 4 0 (58)
59. THỎ X 1 2 3 4 0 (59)
60. HỒNG X 1 2 3 4 0 (60)
61. LÀI X 1 2 3 4 0 (61)
62. PHIM X 1 2 3 4 0 (62)
63. BAY X 1 2 3 4 0 (63)
64. CHÁO X 1 2 3 4 0 (64)
65. MÚA X 1 2 3 4 0 (65)

## KHẢ NĂNG HIỂU NHỮNG CƠ CẤU CÚ PHÁP

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải chỉ bức hình vẽ nào tượng trưng câu vừa nghe. Xin giám khảo đọc những câu này bằng giọng bình thường và ghi câu trả lời của bệnh nhân bằng cách đánh vòng con số tương đương với bức hình bệnh nhân chỉ trong phần đã định. Nếu trong vòng NĂM GIẤY sau khi nghe đọc một câu, bệnh nhân không trả lời, xin giám khảo đánh vòng dấu «0» và bắt qua câu hỏi kế tiếp. Giám khảo xếp phần khả năng hiểu những cơ cấu cú pháp trước mặt và vừa tầm tay để bệnh nhân có thể sờ một trong bốn bức hình vẽ trên giấy.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một câu, sau đó xin bạn chỉ cho tôi bức hình nào đi đôi với câu đó.*

*Ví dụ khi tôi nói : « Người con trai ngồi », xin bạn chỉ cho tôi hình người con trai đang ngồi. Bạn sẵn sàng chưa ?*

\*\*\* Trang 1

66. Người con gái chào người con trai.	1	2	3	4	0	(66)
67. Người con trai chào người con gái.	1	2	3	4	0	(67)
68. Anh ta chào cô ấy.	1	2	3	4	0	(68)
69. Anh ta chào ông ấy.	1	2	3	4	0	(69)
70. Họ chào nhau.	1	2	3	4	0	(70)

\*\*\* Trang 2

71. Người cha đang tắm cho em bé trai.	1	2	3	4	0	(71)
72. Người mẹ đang tắm cho em bé gái.	1	2	3	4	0	(72)
73. Ông ta đang tắm cho em bé.	1	2	3	4	0	(73)
74. Ông ta đang tắm.	1	2	3	4	0	(74)
75. Bà ta đang tắm.	1	2	3	4	0	(75)
76. Bà ta đang tắm cho em bé.	1	2	3	4	0	(76)

\*\*\* Trang 3

77. Người con trai chào ông bà cụ.	1	2	3	4	0	(77)
78. Anh ta chào bà ta.	1	2	3	4	0	(78)
79. Bà ta chào ông ta.	1	2	3	4	0	(79)
80. Anh ta chào họ.	1	2	3	4	0	(80)

\*\*\* Trang 4

81. Người con gái xô người con trai.	1	2	3	4	0	(81)
82. Người con trai xô người con gái.	1	2	3	4	0	(82)
83. Người con trai bị người con gái xô.	1	2	3	4	0	(83)
84. Người con gái bị người con trai xô.	1	2	3	4	0	(84)
85. Chính cậu con trai là người xô cô con gái.	1	2	3	4	0	(85)
86. Chính cô con gái là người xô cậu con trai.	1	2	3	4	0	(86)
87. Chính cậu con trai là người bị cô con gái xô.	1	2	3	4	0	(87)
88. Chính cô con gái là người bị cậu con trai xô.	1	2	3	4	0	(88)

\*\*\* Trang 5

89. Con chó cắn con mèo.	1	2	3	4	0	(89)
90. Con mèo cắn con chó.	1	2	3	4	0	(90)
91. Con chó bị con mèo cắn.	1	2	3	4	0	(91)
92. Con mèo bị con chó cắn.	1	2	3	4	0	(92)
93. Chính con chó nó cắn con mèo.	1	2	3	4	0	(93)
94. Chính con mèo nó cắn con chó.	1	2	3	4	0	(94)
95. Chính con mèo nó bị con chó cắn.	1	2	3	4	0	(95)
96. Chính con chó nó bị con mèo cắn.	1	2	3	4	0	(96)

\*\*\* Trang 6

97. Người con trai xịt nước người con gái.	1	2	3	4	0	(97)
98. Người con gái bị người con trai xịt nước.	1	2	3	4	0	(98)
99. Người con trai bị người con gái xịt nước.	1	2	3	4	0	(99)
100. Người con gái xịt nước người con trai.	1	2	3	4	0	(100)
101. Chính người con trai xịt nước người con gái.	1	2	3	4	0	(101)
102. Chính người con gái bị người con trai xịt nước.	1	2	3	4	0	(102)
103. Chính người con gái xịt nước người con trai.	1	2	3	4	0	(103)
104. Chính người con trai bị người con gái xịt nước.	1	2	3	4	0	(104)

\*\*\* Trang 7

105. Người mẹ mặc đồ cho em bé gái.	1	2	3	4	0	(105)
106. Người cha mặc đồ cho em bé trai.	1	2	3	4	0	(106)
107. Bà ta thay đồ.	1	2	3	4	0	(107)
108. Ông ta thay đồ cho cậu bé.	1	2	3	4	0	(108)
109. Bà ta thay đồ cho cô bé.	1	2	3	4	0	(109)
110. Ông ta thay đồ.	1	2	3	4	0	(110)

\*\*\* Trang 8

111. Người con gái không đẩy người con trai.				1	2	0	(111)
112. Người con trai không đẩy người con gái.				1	2	0	(112)
113. Người con gái không bị người con trai đẩy.				1	2	0	(113)
114. Người con trai không bị người con gái đẩy.				1	2	0	(114)

\*\*\* Trang 9

115. Người con gái không xịt nước người con trai.				1	2	0	(115)
116. Người con trai không xịt nước người con gái.				1	2	0	(116)

117. Người con gái bị người con trai xị nước.	1	2	0	(117)
118. Người con trai không bị người con gái xị nước.	1	2	0	(118)
119. Người con gái không bị người con trai xị nước.	1	2	0	(119)
120. Người con trai bị người con gái xị nước.	1	2	0	(120)

\*\*\* Trang 10

121. Xe tải không kéo xe hơi.	1	2	3	4	0	(121)
122. Xe tải không bị xe hơi kéo.	1	2	3	4	0	(122)
123. Xe hơi không kéo xe tải.	1	2	3	4	0	(123)
124. Xe hơi không bị xe tải kéo.	1	2	3	4	0	(124)

\*\*\* Trang 11

125. Người con trai không đánh thức mẹ.	1	2	0	(125)
126. Người mẹ không đánh thức con trai.	1	2	0	(126)
127. Người con trai không bị mẹ đánh thức.	1	2	0	(127)
128. Người mẹ không bị con trai đánh thức.	1	2	0	(128)

\*\*\* Trang 12

129. Con chó không bị con mèo cắn.	1	2	0	(129)
130. Con mèo không bị con chó cắn.	1	2	0	(130)
131. Con chó không cắn con mèo.	1	2	0	(131)
132. Con mèo không cắn con chó.	1	2	0	(132)

\*\*\* Trang 13

133. Người đàn ông không chào người đàn bà.	1	2	0	(133)
134. Người đàn bà không được người đàn ông chào.	1	2	0	(134)
135. Người đàn bà không chào người đàn ông.	1	2	0	(135)
136. Người đàn ông không được người đàn bà chào.	1	2	0	(136)

\*\*\* Trang 14

137. Xin bạn chỉ đưa con của bà mẹ.	1	2	0	(137)
-------------------------------------	---	---	---	-------

\*\*\* Trang 15

138. Xin bạn chỉ cô giáo của lớp học.	1	2	0	(138)
---------------------------------------	---	---	---	-------

\*\*\* Trang 16

139. Xin bạn chỉ người bệnh của cô y tá.	1	2	0	(139)
--	---	---	---	-------

\*\*\* Trang 17

140. Xin bạn chỉ bà của em bé gái.	1	2	0	(140)
------------------------------------	---	---	---	-------

\*\*\* Trang 18

141. Xin bạn chỉ cây đèn (nến) của cái chân đèn (nến).	1	2	0	(141)
*** Trang 19				
142. Xin bạn chỉ tác giả của cuốn sách.	1	2	0	(142)
*** Trang 20				
143. Xin bạn chỉ con chó của người chủ.	1	2	0	(143)
*** Trang 21				
144. Xin bạn chỉ sợi dây chuyền của cái mè đay.	1	2	0	(144)
*** Trang 22				
145. Xin bạn chỉ bà mẹ của em bé.	1	2	0	(145)
*** Trang 23				
146. Xin bạn chỉ lớp học của cô giáo.	1	2	0	(146)
*** Trang 24				
147. Xin bạn chỉ cô y tá của người bệnh.	1	2	0	(147)
*** Trang 25				
148. Xin bạn chỉ cháu gái của bà cụ.	1	2	0	(148)
*** Trang 26				
149. Xin bạn chỉ cái chân của cây đèn (nến)	1	2	0	(149)
*** Trang 27				
150. Xin bạn chỉ cuốn sách của tác giả.	1	2	0	(150)
*** Trang 28				
151. Xin bạn chỉ người chủ của con chó.	1	2	0	(151)
*** Trang 29				
152. Xin bạn chỉ cái mè đay của sợi dây chuyền.	1	2	0	(152)

### TÍNH TƯƠNG HỢP VỀ NGHĨA

\*\*\* Trong các phần khảo sát sau đây, xin giám khảo đừng đọc con số nằm trước mỗi câu hỏi mà đọc từng chữ một, và ngừng vài giây giữa hai chữ.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đọc một loạt bốn chữ. Xin bạn cho tôi biết chữ nào không nằm cùng thành phần với ba chữ kia. Ví dụ khi bạn nghe các chữ « găng tay, voi, nón, áo sơ mi », bạn nói « voi » vì chữ đó không nằm trong thành phần áo quần.  
Bạn sẵn sàng chưa ?*

153. 1) vụn thò	2) hồng	3) ếch	4) cúc	1	2	3	4	0	(153)
154. 1) bắp cải	2) táo	3) chuối	4) xoài	1	2	3	4	0	(154)
155. 1) tay	2) chân	3) tất	4) mắt	1	2	3	4	0	(155)
156. 1) ghé	2) bàn	3) giường	4) xe	1	2	3	4	0	(156)
157. 1) chim se se	2) cá	3) bồ câu	4) quạ	1	2	3	4	0	(157)

## NHỮNG CHỮ ĐỒNG NGHĨA

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một chữ và sau đó bốn chữ khác, xin bạn hãy chọn, trong bốn chữ đó, chữ nào có nghĩa gần nhất với chữ đầu tiên. Ví dụ nếu tôi nói «áo choàng» và tôi xin bạn chọn một trong bốn chữ «nhà, áo ấm, bàn, xe», bạn sẽ chọn «áo ấm». Bạn sẵn sàng chưa?

158. GHẾ	1) tô	2) bình	3) bàn	4) bút chì	1	2	3	4	0	(158)
159. BẢO	1) giày	2) tập chí	3) chuổi	4) ghế	1	2	3	4	0	(159)
160. CAM	1) bút chì	2) nón	3) sách	4) chanh	1	2	3	4	0	(160)
161. GIÀY	1) tàu	2) dép	3) quần	4) khăn	1	2	3	4	0	(161)
162. GHE	1) bao diêm	2) tàu	3) báo	4) cây	1	2	3	4	0	(162)

## NHỮNG CHỮ PHẢN NGHĨA

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một chữ và sau đó bốn chữ khác. Lần này, xin bạn chọn, trong bốn chữ đó, chữ nào nghịch nghĩa với chữ đầu tiên. Ví dụ nếu tôi nói «hèn» và tôi xin bạn chọn một trong bốn chữ «can đảm, yếu đuối, đáng khinh, mạnh khỏe», bạn sẽ chọn «can đảm». Bạn sẵn sàng chưa?

163. VUI	1) thích thú	2) buồn	3) giàu	4) bé	1	2	3	4	0	(163)
164. TỐI	1) nhát	2) đen	3) sáng	4) im lặng	1	2	3	4	0	(164)
165. TRẺ	1) lớn	2) già	3) xanh	4) nhỏ	1	2	3	4	0	(165)
166. NGHÈO	1) buồn	2) yên	3) dơ	4) giàu	1	2	3	4	0	(166)
167. ĐÚNG	1) sai	2) tốt	3) sạch	4) đẹp	1	2	3	4	0	(167)

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

Sau đây, bạn sẽ nghe nhiều chữ giống nhau, nhưng trong số đó, CHỈ CÓ MỘT CHỮ PHẢN NGHĨA với chữ đầu tiên. Xin bạn tìm ra chữ đó. Ví dụ, nếu tôi nói «hèn» và tôi xin bạn chọn giữa «một cách can đảm, lòng can đảm, can đảm», bạn sẽ chọn «can đảm». Bạn sẵn sàng chưa?

168. ĐẸP	1) xấu	2) sự xấu xí	3) làm xấu	1	2	3	0	(168)
169. YÊN TĨNH	1) làm ồn	2) ồn ào	3) một cách ồn ào	1	2	3	0	(169)
170. BUỒN	1) vui	2) sự vui sướng	3) vui chơi	1	2	3	0	(170)
171. MAU	1) sự chậm rãi	2) chậm	3) một cách chậm chạp	1	2	3	0	(171)
172. LIỀU LĨNH	1) sự thận trọng	2) thận trọng	3) một cách thận trọng	1	2	3	0	(172)

## KHẢ NĂNG XÉT ĐOÁN VỀ VĂN PHẠM

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, xin giám khảo đánh vòng dấu «+» nếu bệnh nhân nhận xét câu giám khảo vừa đọc là đúng. Nếu bệnh nhân cho là sai thì xin đánh vòng dấu «-». Nếu sau NĂM GIẤY, bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

Tôi sẽ đọc cho bạn nghe những câu sau đây. Sau mỗi câu, xin bạn cho tôi biết câu đó đúng hay không. Nếu tôi nói



« Con chim bay trên trời », câu này đúng, thì bạn nói «đúng». Nếu tôi nói « Con va ly này nặng », câu này sai, thì bạn nói « sai ».

173. Người con gái xô người con trai.	Xét đoán	+	-	0	(173)
174. Gái này đẹp.	Xét đoán	+	-	0	(174)
175. Chính người con trai bị hôn người con gái.	Xét đoán	+	-	0	(175)
176. Chiếc xe tải kéo chiếc xe hơi.	Xét đoán	+	-	0	(176)
177. Chính trai tát nước người gái.	Xét đoán	+	-	0	(177)
178. Con mèo bị cắn con chó.	Xét đoán	+	-	0	(178)
179. Người con gái bị đẩy người con trai.	Xét đoán	+	-	0	(179)
180. Đứa bé đánh thức không mẹ nó.	Xét đoán	+	-	0	(180)
181. Chính chiếc xe buýt chạy theo chiếc xe mô tô.	Xét đoán	+	-	0	(181)
182. Con chó bị không cắn con mèo.	Xét đoán	+	-	0	(182)

### KHẢ NĂNG XÉT ĐOÁN VỀ NGHĨA

\*\*\* Xin đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

*Những câu tôi sẽ đọc cho bạn nghe sau đây đều đúng luật văn phạm nhưng có thể không có nghĩa. Ví dụ nếu tôi nói : «Cô ta cắt tóc bằng bút chì», câu này đúng luật văn phạm nhưng không có nghĩa. Nếu tôi nói : «Cô ta cắt tóc bằng kéo » thì câu này có nghĩa. Câu nào bạn nhận xét là có nghĩa thì xin bạn trả lời «đúng», nếu không, xin bạn trả lời «sai». Bạn sẵn sàng chưa ?*

183. Mặt trời chiếu ban đêm.	Xét đoán	+	-	0	(183)
184. Con mèo ngồi trên nóc nhà.	Xét đoán	+	-	0	(184)
185. Hoa mọc trong nước chấm.	Xét đoán	+	-	0	(185)
186. Mùa màn ra từ ống khói.	Xét đoán	+	-	0	(186)
187. Hôm nay anh ta mặc bộ đồ mới.	Xét đoán	+	-	0	(187)
188. Xe hơi lội trên đường.	Xét đoán	+	-	0	(188)
189. Cái lập xương ăn con chó.	Xét đoán	+	-	0	(189)
190. Họ ăn hết một cái máy truyền hình trong ba bữa điễm tâm.	Xét đoán	+	-	0	(190)
191. Cô ta chải tóc trước kiến (gương).	Xét đoán	+	-	0	(191)
192. Khi nào trời nóng anh ta uống cát.	Xét đoán	+	-	0	(192)

### KHẢ NĂNG LẬP LẠI VÀ XÉT ĐOÁN NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA HAY KHÔNG

\*\*\* Trong phần sau đây, chúng ta sẽ khảo sát hai loại khả năng của bệnh nhân : khả năng lập lại từng chữ và khả năng xét đoán chữ nào có nghĩa và chữ nào không. Xin giám khảo lập lại rõ ràng chữ vừa nghe.

Nếu bệnh nhân lập lại đúng chữ vừa được nghe, xin đánh vòng dấu «+». Xin nhớ ghi sự khác biệt giọng nói hay thổ ngữ của từng vùng. Nếu bệnh không lập lại đúng chữ vừa được nghe, xin đánh vòng dấu «-».

Nếu trong vòng NĂM GIẤY hoặc sau năm giây, bệnh nhân không trả lời xin hỏi bệnh nhân chữ đó có nghĩa hay không. Xin đánh vòng dấu «+» nếu bệnh nhân trả lời có, và dấu «-» nếu bệnh nhân trả lời không.

Nếu sau NĂM GIẤY, bệnh nhân vẫn im lặng, xin đánh vòng dấu «0» và bắt qua chữ khác.

Nếu bệnh nhân gật đầu hoặc lắc đầu, dấu hiệu đó được xem như một câu trả lời.

**\*\*\* XIN BẮT ĐẦU CHO MÁY THU THANH CHẠY \*\*\***

*Xin bạn lặp lại theo tôi những chữ sau đây. Có chữ tiếng Việt, có chữ không phải là tiếng Việt và có chữ không có nghĩa. Xin bạn nói lên chữ nào có nghĩa và chữ nào không. Bạn sẵn sàng chưa ?*

193. Hát	Lặp lại	+	-	0	(193)
	Xét đoán	+	-	0	(194)
195. Họa đồ.	Lặp lại	+	-	0	(195)
	Xét đoán	+	-	0	(196)
197. Chìa khóa	Lặp lại	+	-	0	(197)
	Xét đoán	+	-	0	(198)
199. Bing	Lặp lại	+	-	0	(199)
	Xét đoán	+	-	0	(200)
201. Chó sói	Lặp lại	+	-	0	(201)
	Xét đoán	+	-	0	(202)
203. Chìn	Lặp lại	+	-	0	(203)
	Xét đoán	+	-	0	(204)
205. Gu	Lặp lại	+	-	0	(205)
	Xét đoán	+	-	0	(206)
207. Gà mái	Lặp lại	+	-	0	(207)
	Xét đoán	+	-	0	(208)
209. Guôm	Lặp lại	+	-	0	(209)
	Xét đoán	+	-	0	(210)
211. Muối	Lặp lại	+	-	0	(211)
	Xét đoán	+	-	0	(212)
213. Lùn	Lặp lại	+	-	0	(213)
	Xét đoán	+	-	0	(214)
215. Răng	Lặp lại	+	-	0	(215)
	Xét đoán	+	-	0	(216)
217. Mèo	Lặp lại	+	-	0	(217)
	Xét đoán	+	-	0	(218)
219. Aze	Lặp lại	+	-	0	(219)
	Xét đoán	+	-	0	(220)
221. Vùng	Lặp lại	+	-	0	(221)
	Xét đoán	+	-	0	(222)
223. Ông	Lặp lại	+	-	0	(223)
	Xét đoán	+	-	0	(224)
225. Xà phòng	Lặp lại	+	-	0	(225)
	Xét đoán	+	-	0	(226)

227. Thra	Lặp lại	+	-	0	(227)
	Xét đoán	+	-	0	(228)
229. Guốc	Lặp lại	+	-	0	(229)
	Xét đoán	+	-	0	(230)
231. Cro	Lặp lại	+	-	0	(231)
	Xét đoán	+	-	0	(232)
233. Gung	Lặp lại	+	-	0	(233)
	Xét đoán	+	-	0	(234)
235. Vẹp	Lặp lại	+	-	0	(235)
	Xét đoán	+	-	0	(236)
237. Tàu	Lặp lại	+	-	0	(237)
	Xét đoán	+	-	0	(238)
239. Dhon	Lặp lại	+	-	0	(239)
	Xét đoán	+	-	0	(240)
241. Nhạc	Lặp lại	+	-	0	(241)
	Xét đoán	+	-	0	(242)
243. Voi	Lặp lại	+	-	0	(243)
	Xét đoán	+	-	0	(244)
245. Kết quả	Lặp lại	+	-	0	(245)
	Xét đoán	+	-	0	(246)
247. Yaso	Lặp lại	+	-	0	(247)
	Xét đoán	+	-	0	(248)
249. Tài liệu	Lặp lại	+	-	0	(249)
	Xét đoán	+	-	0	(250)
251. Thau rửa mặt	Lặp lại	+	-	0	(251)
	Xét đoán	+	-	0	(252)

### **KHẢ NĂNG LẶP LẠI NHỮNG CÂU NÓI**

**\*\*\*** Xin giám khảo đọc lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

*Trong phần sau đây, tôi sẽ đọc một số câu và xin bạn lặp lại theo tôi. Bạn sẵn sàng chưa ?*

253. Người con trai xô người con gái.	+	-	0	(253)
254. Anh ta chào cô ta	+	-	0	(254)
255. Chính con mèo nó cắn con chó.	+	-	0	(255)
256. Người con gái chào người con trai.	+	-	0	(256)
257. Chiếc xe tải không được chiếc xe hơi kéo.	+	-	0	(257)
258. Anh ta cắn cô ta.	+	-	0	(258)
259. Người con trai không đánh thức mẹ.	+	-	0	(259)

## KHẢ NĂNG ĐỌC THUỘC LÒNG MỘT CÁCH LIÊN TỤC

\*\*\* Trong phần sau đây, bệnh nhân đọc thuộc lòng từng loạt ngày, từng loạt số hay từng loạt con giáp mà bệnh nhân có học. Xin đánh vòng dấu «+» nếu trảng ngày, số hay con giáp được đọc lên đầy đủ theo đúng thứ tự và đánh vòng dấu «-» nếu bệnh nhân đọc sai hoặc không theo thứ tự. Nếu bệnh nhân không trả lời, xin bạn đánh vòng dấu «0».

260. Xin bạn đọc hết những ngày trong tuần. + - 0 (260)

chủ nhật    thứ hai    thứ ba    thứ tư    thứ năm    thứ sáu    thứ bảy

261. Xin bạn đếm từ 1 tới 25. + - 0 (261)

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25

262. Xin bạn đọc theo thứ tự tên của 12 con giáp + - 0 (262)

1) tý (chuột)            2) sửu (trâu)            3) dần (cọp)            4) meo (mèo)  
5) thìn (rồng)            6) tỵ (rắn)            7) ngọ (ngựa)            8) mùi (dê)  
9) thân (khỉ)            10) dậu (gà)            11) tuất (chó)            12) hợi (heo)

## KHẢO SÁT VỀ SỰ NHANH NHẼN TRONG KHI NÓI

\*\*\* Mục đích của phần khảo sát này là để xác định khả năng nói lên những chữ bắt đầu bằng một âm thanh nhất định. Quan trọng nhất là số chữ được bệnh nhân đưa ra trong vòng một phút.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Xin bạn nói lên một số chữ bắt đầu bằng một âm thanh nhất định, càng nhanh càng tốt. Ví dụ nếu tôi xin bạn nói lên những chữ bắt đầu bằng âm X (x), bạn nói «xin, xôi, xa, xà phòng, xuất, xét, xuân, xuống», vân vân.*

*Xin bạn nói lên tất cả các chữ đầu bằng âm B (b) mà bạn biết, nói càng nhanh càng tốt.*

263. Tất cả các chữ bắt đầu bằng âm B (b) + - 0 (263)

264. Số chữ bệnh nhân nói đúng \_\_\_\_\_ (264)

*Bây giờ chúng ta bắt qua âm PH (f). Xin bạn nói lên tất cả các chữ bạn biết, càng nhanh càng tốt.*

265. Tất cả các chữ bắt đầu bằng âm PH (f) + - 0 (265)

266. Số chữ bệnh nhân nói đúng \_\_\_\_\_ (266)

*Sau đây, chúng ta bắt qua âm L (l). Xin bạn nói lên tất cả các chữ bạn biết, càng nhanh càng tốt.*

267. Tất cả các chữ bắt đầu bằng âm L (l) + - 0 (267)

268. Số chữ bệnh nhân nói đúng \_\_\_\_\_ (268)

## CHỈ ĐỊNH

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải chỉ những món đồ giam khảo đưa ra. Xin đặt từng món theo thứ tự cho bệnh nhân thấy rõ. Bệnh nhân không được nhìn thấy những món đồ này trước.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ chỉ cho bạn những món đồ sau đây. Xin nói cho tôi tên của từng món. Bạn sẵn sàng chưa ?*

269. Sách	+ - 0	(269)
270. Mắt kính	+ - 0	(270)
271. Chìa khoá	+ - 0	(271)
272. Tách / ly	+ - 0	(272)
273. Cà vạt	+ - 0	(273)
274. Kéo	+ - 0	(274)
275. Muỗng	+ - 0	(275)
276. Găng tay	+ - 0	(276)
277. Bút chì	+ - 0	(277)
278. Lá bài	+ - 0	(278)
279. Nhiệt kế (hàn thử biểu)	+ - 0	(279)
280. Nút	+ - 0	(280)
281. Thuốc	+ - 0	(281)
282. Nĩa	+ - 0	(282)
283. Long chim	+ - 0	(283)
284. Nhấn	+ - 0	(284)
285. Đèn cầy (nến)	+ - 0	(285)
286. Bao thư (phong bì)	+ - 0	(286)
287. Bàn chải đánh răng	+ - 0	(287)
288. Đồng hồ	+ - 0	(288)

## ĐẶT CÂU

\*\*\* Trong phần này, giám khảo đưa ra một số chữ và yêu cầu bệnh nhân đặt một câu bằng những chữ đó. Sau mỗi câu, giám khảo ghi : 1) bệnh nhân có trả lời hay không; 2) câu có đúng luật văn phạm hay không; 3) câu có ý nghĩa hay không ; 4) số chữ bệnh nhân đã dùng.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ cho bạn một số chữ. Xin bạn dùng những chữ này để đặt một câu thật đơn giản. Ví dụ khi tôi nói : « cửa, cô y tá, mở», bạn nói: «cô y tá mở cửa».*

289. nhà – mèo	Có trả lời hay không	+ - 0	(289)
290.	Đúng luật văn phạm hay không	+ - 0	(290)
291.	Có ý nghĩa hay không	+ - 0	(291)
292.	Số chữ kích lệ	_____	(292)
293.	Tổng cộng số chữ được dùng	_____	(293)

294. ghế – bác sĩ – ngời	Có trả lời hay không	+ - 0	(294)
295.	Đúng luật văn phạm hay không	+ - 0	(295)
296.	Có ý nghĩa hay không	+ - 0	(296)
297.	Số chữ khích lệ	_____	(297)
298.	Tổng cộng số chữ được dùng	_____	(298)
299. bàn làm việc – mở – hộp tủ	Có trả lời hay không	+ - 0	(299)
300.	Đúng luật văn phạm hay không	+ - 0	(300)
301.	Có ý nghĩa hay không	+ - 0	(301)
302.	Số chữ khích lệ	_____	(302)
303.	Tổng cộng số chữ được dùng	_____	(303)
304. cây – xanh – lá – thấy	Có trả lời hay không	+ - 0	(304)
305.	Đúng luật văn phạm hay không	+ - 0	(305)
306.	Có ý nghĩa hay không	+ - 0	(306)
307.	Số chữ khích lệ	_____	(307)
308.	Tổng cộng số chữ được dùng	_____	(308)
309. bút – viết – xanh – giấy – trả lời	Có trả lời hay không	+ - 0	(309)
310.	Đúng luật văn phạm hay không	+ - 0	(310)
311.	Có ý nghĩa hay không	+ - 0	(311)
312.	Số chữ khích lệ	_____	(312)
313.	Tổng cộng số chữ được dùng	_____	(313)

## NHỮNG CHỮ PHẢN NGHĨA

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, mỗi lần giám khảo đọc một chữ, bệnh nhân phải nói lên một chữ phản nghĩa với chữ đó.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đọc một chữ. Xin bạn nói ra chữ phản nghĩa với chữ đó. Ví dụ, nếu tôi đọc «tốt», xin bạn trả lời «xấu». Bạn sẵn sàng chưa ?*

314. Thật	+ (Giả)	hay _____	1 - 0	(314)
315. Giàu	+ (Nghèo)	hay _____	1 - 0	(315)
316. Lớn	+ (Nhỏ)	hay _____	1 - 0	(316)
317. Nặng	+ (Nhẹ)	hay _____	1 - 0	(317)
318. Cứng	+ (Mềm)	hay _____	1 - 0	(318)
319. Rộng	+ (Chật)	hay _____	1 - 0	(319)
320. Chậm	+ (Mau)	hay _____	1 - 0	(320)

321. Đóng	+ (Mở)	hay _____	1 - 0 (321)
322. Thúc	+ (Ngủ)	hay _____	1 - 0 (322)
323. Móng	+ (Dây)	hay _____	1 - 0 (323)

## HÌNH THỂ

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, nếu bệnh nhân trả lời đúng chữ đóng ngoặc, xin giám khảo đánh vòng dấu «+» và bắt qua chữ kế tiếp. Nếu bệnh nhân trả lời sai, xin đánh vòng dấu «-». Nếu sau NĂM GIẤY, bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ cho bạn một tính từ. Xin bạn cho tôi trạng từ phù hợp với tính từ đó. Bạn sẵn sàng chưa ?*

324. Rõ ràng	+ (Một cách rõ ràng)	hay _____	1 - 0 (324)
325. Cứng rắn	+ (Một cách cứng rắn)	hay _____	1 - 0 (325)
326. Tự nhiên	+ (Một cách tự nhiên)	hay _____	1 - 0 (326)
327. Lạ lùng	+ (Một cách lạ lùng)	hay _____	1 - 0 (327)
328. Yên tĩnh	+ (Một cách yên tĩnh)	hay _____	1 - 0 (328)
329. Diệu dàng	+ (Một cách diệu dàng)	hay _____	1 - 0 (329)
330. Cẩn thận	+ (Một cách cẩn thận)	hay _____	1 - 0 (330)
331. Mạnh mẽ	+ (Một cách mạnh mẽ)	hay _____	1 - 0 (331)
332. Xất xược	+ (Một cách xất xược)	hay _____	1 - 0 (332)
333. Trầm tĩnh	+ (Một cách trầm tĩnh)	hay _____	1 - 0 (333)

## NHỮNG PHẢN NGHỊCH VỀ HÌNH THỂ

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải đưa ra chữ phản nghĩa với chữ giám khảo vừa nói bằng cách thêm một tiếp đầu ngữ. Nếu bệnh nhân trả lời đúng, xin giám khảo đánh vòng dấu «+», nếu bệnh nhân trả lời sai, xin đánh vòng dấu «-». Nếu sau NĂM GIẤY, bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ nói một chữ, xin bạn cho tôi chữ phản nghĩa với chữ đó bằng cách đặt thêm một tiếp đầu ngữ. Bạn sẵn sàng chưa ?*

334. Được	+ (Không được)	hay _____	1 - 0 (334)
335. Lịch sự	+ (Bất lịch sự)	hay _____	1 - 0 (335)
336. Đúng	+ (Không đúng)	hay _____	1 - 0 (336)
337. Ăn được	+ (Không ăn được)	hay _____	1 - 0 (337)
338. Công bằng	+ (Bất công)	hay _____	1 - 0 (338)
339. An	+ (Bất an)	hay _____	1 - 0 (339)
340. Thật	+ (Không thật)	hay _____	1 - 0 (340)
341. Sai	+ (Không sai)	hay _____	1 - 0 (341)
342. Thông dụng	+ (Không thông dụng)	hay _____	1 - 0 (342)
343. Bạo động	+ (Bất bạo động)	hay _____	1 - 0 (343)

## DIỄN TẢ

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, giám khảo cho bệnh nhân xem một câu chuyện bằng hình không có lời. Trang hình được đặt trước mặt bệnh nhân trong suốt thời gian khảo sát. Giám khảo xin bệnh nhân kể câu chuyện trong khoảng hai phút. Sau khi bệnh nhân kể xong, xin đánh vòng câu trả lời thích đáng.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ cho bạn xem một câu chuyện bằng hình. Câu chuyện này được tượng trưng bằng sáu bức hình vẽ. Xin bạn nhìn và kể lên câu chuyện. Bạn sẵn sàng chưa ?*

344. Bệnh nhân kể 0 1 2 3 (344)

0) Không được gì hết 1) Rất ít 2) Ít hơn trung bình 3) Trung bình

345. Bệnh nhân có kể hết câu chuyện không ? + - (345)

346. Bệnh nhân

1) chỉ diễn tả một bức hình.

2) kể nguyên câu chuyện.

3) không diễn tả từng bức hình và cũng không kể chuyện. 1 2 3 (346)

## TÍNH RỢ

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải làm toán rợ. Giám khảo đọc cho bệnh nhân nghe từng câu hỏi. Câu trả lời được ghi ở phía tay phải. Xin đánh vòng dấu «+» nếu bệnh nhân giải đáp đúng và dấu «-» nếu bệnh nhân giải đáp sai. Nếu sau MƯỜI GIẤY, bệnh nhân không trả lời, xin đánh vòng dấu «0» và bắt qua câu hỏi kế tiếp. Trong trường hợp bệnh nhân trả lời sai NĂM LẦN LIÊN TỤC, xin ngưng phần khảo sát này và bắt qua phần kế tiếp. Trong trường hợp này, xin giám khảo đánh vòng dấu «0» cho những câu hỏi còn lại.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ cho bạn vài bài toán. Xin bạn giải đáp càng nhanh càng tốt. Bạn sẵn sàng chưa ?*

347. NĂM cộng BỐN là mấy ? CHÍN + - 0 (347)

348. BẢY trừ HAI là mấy ? NĂM + - 0 (348)

349. HAI lần BA là mấy ? SÁU + - 0 (349)

350. CHÍN chia cho BA là mấy ? BA + - 0 (350)

351. SÁU cộng BẢY là mấy ? MƯỜI BA + - 0 (351)

352. HAI MƯỜI một trừ CHÍN là mấy ? MƯỜI HAI + - 0 (352)

353. BỐN lần SÁU là mấy ? HAI MƯỜI BỐN + - 0 (353)

354. MƯỜI HAI chia cho BỐN là mấy ? BA + - 0 (354)

355. MƯỜI BỐN cộng HAI MƯỜI HAI là mấy ? BA MƯỜI SÁU + - 0 (355)

356. BỐN MƯỜI SÁU trừ HAI MƯỜI MỘT là mấy ? HAI MƯỜI LĂM + - 0 (356)

357. Ba lần MƯỜI HAI là mấy ? BA MƯỜI SÁU + - 0 (357)

358. SÁU MƯỜI chia cho BỐN là mấy ? MƯỜI LĂM + - 0 (358)

359. MƯỜI BẢY cộng MƯỜI TÁM là mấy ? BA MƯỜI LĂM + - 0 (359)

360. BA MƯỜI HAI trừ MƯỜI LĂM là mấy ? MƯỜI BẢY + - 0 (360)

361. BA lần MƯỜI BỐN là mấy ? BỐN MƯỜI HAI + - 0 (361)



## KHẢ NĂNG HIỂU BIẾT QUA THÍNH GIÁC

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn và câu chuyện sau đây cho bệnh nhân nghe. Sau đó, xin đặt năm câu hỏi về câu chuyện này và đánh vòng dấu «+» khi bệnh nhân trả lời đúng hay «-» nếu bệnh nhân trả lời sai. Nếu bệnh nhân không trả lời hay nói không biết, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đọc cho bạn nghe một câu chuyện. Xin bạn chăm chú nghe. Sau đó, tôi sẽ đặt vài câu hỏi về câu chuyện này và xin bạn trả lời. Bạn sẵn sàng chưa ?*

«Một hôm trời nắng đẹp, Mai và Châu đi ra đồng để bắt cá. Mai bắt được hai con cá trê và Châu hái được một bó rau muống. Hai em đem cá và rau về để mẹ nấu bữa ăn trưa. Mẹ hai em rất mừng.»

- |                                   |   |   |   |       |
|-----------------------------------|---|---|---|-------|
| 362. Mai và Châu đi đâu ?         | + | - | 0 | (362) |
| 363. Để làm gì ?                  | + | - | 0 | (363) |
| 364. Hai em đã làm những gì ?     | + | - | 0 | (364) |
| 365. Tại sao mẹ của hai em mừng ? | + | - | 0 | (365) |
| 366. Ngày hôm đó trời ra sao ?    | + | - | 0 | (366) |

## ĐỌC LỚN TIẾNG

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, bệnh nhân phải đọc một số chữ và sau đó một số câu do giám khảo đưa ra. Khi bệnh nhân đọc đúng, xin đánh vòng dấu «+». Khi bệnh nhân đọc sai, xin đánh vòng dấu «-». Nếu bệnh nhân im lặng, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ chỉ cho bạn một số chữ. Xin bạn đọc cho tôi nghe từng chữ một. Bạn sẵn sàng chưa ?*

- |            |   |   |   |       |
|------------|---|---|---|-------|
| 367. Chuối | + | - | 0 | (367) |
| 368. Giỏ   | + | - | 0 | (368) |
| 369. Len   | + | - | 0 | (369) |
| 370. Cưa   | + | - | 0 | (370) |
| 371. Tim   | + | - | 0 | (371) |
| 372. Thuốc | + | - | 0 | (372) |
| 373. Báo   | + | - | 0 | (373) |
| 374. Cây   | + | - | 0 | (374) |
| 375. Lồng  | + | - | 0 | (375) |
| 376. Bánh  | + | - | 0 | (376) |

\*\*\* Xin giám khảo đọc lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đưa cho bạn một số câu. Xin bạn đọc cho tôi nghe những câu này. Bạn sẵn sàng chưa ?*

- |  |             |
|--|-------------|
| 377. Người con trai chào người con gái.              | + - 0 (377) |
| 378. Người con gái xô nó.                            | + - 0 (378) |
| 379. Con mèo bị con chó cắn.                         | + - 0 (379) |
| 380. Chính chiếc xe tải nó kéo chiếc xe hơi.         | + - 0 (380) |
| 381. Người con trai không xô người con gái.          | + - 0 (381) |
| 382. Chiếc xe tải không được chiếc xe hơi kéo.       | + - 0 (382) |
| 383. Chính con mèo bị con chó cắn.                   | + - 0 (383) |
| 384. Anh ta chào cô ta.                              | + - 0 (384) |
| 385. Người con gái bị người con trai xô.             | + - 0 (385) |
| 386. Người con trai không bị người con gái xịt nước. | + - 0 (386) |

### **ĐỌC THÂM**

**\*\*\*** Trong phần khảo sát sau đây, giám khảo cho bệnh nhân đọc lặng lẽ một đoạn văn ngắn và sau đó đặt cho bệnh nhân vài câu hỏi về đoạn văn này. Xin cho bệnh nhân 90 giây để đọc.

**\*\*\*** Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đưa cho bạn một đoạn văn ngắn. Xin bạn đọc qua một lần, không cần đọc ra tiếng. Sau khi đọc xong, xin bạn cho tôi biết, tôi sẽ đặt cho bạn vài câu hỏi về đoạn văn này. Bạn sẵn sàng chưa ?*

«Một người đàn ông dẫn chó đi săn. Ông ta bắn được một con heo rừng. Trở về làng, ông ta đem con heo rừng ra chợ và bán để lấy tiền mua gạo.»

- |   |             |
|---|-------------|
| 387. Người đàn ông đi với con gì ?            | + - 0 (387) |
| 388. Đi đâu ?                                 | + - 0 (388) |
| 389. Người đàn ông đã làm được gì ?           | + - 0 (389) |
| 390. Người đàn ông đem con heo rừng đi đâu ?  | + - 0 (390) |
| 391. Ông ta làm gì với con heo rừng ?         | + - 0 (391) |
| 392. Ông ta làm gì sau khi bán con heo rừng ? | + - 0 (392) |

**\*\*\* XIN NGỪNG MÁY THU THANH \*\*\***

## SAO CHÉP

\*\*\* Xin giám khảo đưa cho bệnh nhân giấy và viết, và đọc lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Tôi sẽ đưa cho bạn giấy và viết. Xin bạn chép lại những chữ sau đây. Bạn sẵn sàng chưa ?*

393. Bay	+ - 0 (393)
394. Lúa	+ - 0 (394)
395. Chim	+ - 0 (395)
396. Sâu	+ - 0 (396)
397. Áo	+ - 0 (397)

## CHÍNH TẢ

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, nếu bệnh nhân viết không có lỗi, xin giám khảo đánh vòng dấu «+», nếu viết sai, xin đánh vòng dấu «-», và nếu bệnh nhân không viết, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Bây giờ tôi sẽ đọc một số chữ. Xin bạn viết theo tôi. Bạn sẵn sàng chưa ?*

398. Sò	+ - 0 (398)
399. Gà	+ - 0 (399)
400. Bánh	+ - 0 (400)
401. Xe	+ - 0 (401)
402. Trúc	+ - 0 (402)

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, nếu bệnh nhân viết nguyên câu không có lỗi, xin giám khảo đánh vòng dấu «+», nếu có chữ sai, xin ghi số chữ viết sai trong phần dành riêng và nếu bệnh nhân không viết, xin đánh vòng dấu «0».

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Sau đây tôi sẽ đọc một số câu. Xin bạn viết theo tôi. Bạn sẵn sàng chưa ?*

403. Anh ta xịt nước cô ta.	+ - 0 (403)
404. Cô ta chào bà ta.	+ - 0 (404)
405. Người con trai bị con chó kéo.	+ - 0 (405)
406. Người con trai không đẩy chiếc xe hơi.	+ - 0 (406)
407. Chính mẹ là người đẩy chiếc xe tải.	+ - 0 (407)

## KHẢ NĂNG ĐỌC VÀ HIỂU TỪNG CHỮ

\*\*\* Trong phần khảo sát sau đây, giám khảo chỉ một chữ và một loạt hình vẽ và xin bệnh nhân chỉ hình vẽ nào đi với chữ đó.

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Bây giờ tôi chỉ cho bạn một chữ. Xin bạn chỉ cho tôi hình vẽ nào đi với chữ đó. Bạn sẵn sàng chưa ?*

408. CHUỐI	1	2	3	4	0	(408)
409. GIỎ	1	2	3	4	0	(409)
410. LEN	1	2	3	4	0	(410)
411. CỬA	1	2	3	4	0	(411)
412. TIM	1	2	3	4	0	(412)
413. THUỐC	1	2	3	4	0	(413)
414. BÁO	1	2	3	4	0	(414)
415. CÂY	1	2	3	4	0	(415)
416. LÔNG	1	2	3	4	0	(416)
417. BÁNH	1	2	3	4	0	(417)

## KHẢ NĂNG ĐỌC VÀ HIỂU TỪNG CÂU

\*\*\* Xin giám khảo đọc những lời chỉ dẫn sau đây cho bệnh nhân nghe.

\*\*\* Bắt đầu đọc.

*Bây giờ tôi chỉ cho bạn một câu. Xin bạn chỉ cho tôi hình vẽ nào đi với câu đó. Bạn sẵn sàng chưa ?*

418. Người con trai chào người con gái.	1	2	3	4	0	(418)
419. Cậu ta tắm.	1	2	3	4	0	(419)
420. Con chó bị con mèo cắn.	1	2	3	4	0	(420)
421. Chính chiếc xe tải kéo chiếc xe hơi.	1	2	3	4	0	(421)
422. Người con trai không xô người con gái.	1	2	3	4	0	(422)
423. Chiếc xe tải không bị chiếc xe hơi kéo.	1	2	3	4	0	(423)
424. Chính con chó nó bị con mèo cắn.	1	2	3	4	0	(424)
425. Cô ta chào cậu ta.	1	2	3	4	0	(425)
426. Người con gái bị người con trai xô.	1	2	3	4	0	(426)
427. Người con gái không bị người con trai xịt nước.	1	2	3	4	0	(427)

## **VIẾT TỰ DO**

**\*\*\*** Xin giám khảo cho bệnh nhân một tờ giấy trắng và cho bệnh nhân năm phút để viết những gì bệnh nhân muốn.

**\*\*\*** Bắt đầu đọc.

*Xin bạn viết câu chuyện về bệnh tình của bạn trên tờ giấy này.*

Vài điều đáng lưu ý về khả năng của bệnh nhân ngoài những khả năng được biết qua những câu hỏi nằm trong tiêu chuẩn của cuộc khảo sát.

---

